

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỞ CHÚ

QUYỂN 3

(Phần 2)

Lại y theo hội tướng của bảy đại. Nhưng lấy Đại làm tên vốn là ở thế đế. Pháp tướng của Tiểu thừa nói các sắc pháp bốn đại hòa hợp mà thành, lại chia ra trong ngoài, nói đây gọi là tự tướng các pháp vắng lặng mà không tròn đầy, còn bị cộng tướng của các pháp phân biệt.

Thô mà lại cạn, là Phật Như Lai tùy theo ý người mà nói. Thế gian an lập hữu danh vô thật, tuy gọi là Đại mà nghĩa Đại không thành tựu. Trong nghĩa đế cao siêu thì nói không phải như vậy, cho là gồm nhiếp trùm khắp, thể trùm khắp mọi nơi, là tất cả vật. Chẳng phải nhân đối đãi với Tiểu, đương thể được tên gọi, nên gọi là Đại.

Nay trong kinh nói có bảy nghĩa đều gọi là Đại.

Trong bảy nghĩa gồm nhiếp tất cả pháp, nghĩa là không có căn trần, sắc tâm, tánh tướng.

Trần trần pháp pháp trùm khắp tất cả, chẳng chỗ nào không dung chứa. Đây là bác bỏ cái thấy quyền kia, làm cho biết rõ nghĩa thật.

Như văn dưới nói: *Đều gọi là bảy đại, tánh chân viên dung, đều là Như Lai tạng.* Người thế gian không biết, mê hoặc cho là tánh duyên và tánh tự nhiên đều là thức tâm phân biệt so lường, chỉ có lời nói đều không có nghĩa thật. Đây là hội tướng tức tánh. Tánh trùm khắp, tướng trùm khắp mới gọi là chí cực đại của thắng nghĩa, đâu đồng với quyền giáo nói danh Tự tướng?

Văn có ba:

1. Văn hỏi:

A-nan bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như Lai lại thường nói nhân duyên hòa hợp, thì tất cả các thứ biến hóa đều do bốn đại hòa hợp phát minh. Đây là kể lại xưa được nghe. Vì sao Như Lai đối với nhân duyên, tự nhiên cả hai đều bác bỏ. Nay con không biết nghĩa này thuộc về đâu là vặn hỏi nay nói. Bác bỏ là dẹp bỏ.

Cúi mong Như Lai rũ lòng từ bi thương xót chỉ dạy, cho chúng sinh

pháp liễu nghĩa Trung đạo không nói lời vô nghĩa. Đây là cầu mong chỉ bày. Phương tiện an lập nói có bốn đại nhân duyên hòa hợp mà thành các thứ biến hóa. Trong đệ nhất nghĩa các pháp xưa không sinh thì nay không diệt. Sinh diệt, đến đi vốn là Như Lai tạng. Nay dùng Thế đế để nghi Đệ nhất nghĩa. Cho nên có câu hỏi này.

2. *Hứa giảng nói, có ba ý:*

a) Chỉ ý nêu bày.

Bấy giờ Thế Đức Thế tôn bảo A-nan! Ông trước phải nhàm chán xa lìa các pháp Tiểu thừa: Thanh Văn và Duyên Giác, Phát tâm cầu Vô thượng Bồ-đề. Cho nên ta nay chỉ bày Đệ nhất nghĩa để cho ông. Nhân duyên hòa hợp bốn đại phát minh đều là pháp Tiểu thừa. Các pháp bất sinh chỉ là Như Lai tạng, tức nghĩa Đệ nhất.

b) Nhắc lại nghi nêu trách.

Tại sao lại dùng nhân duyên vọng tưởng nói lời vô nghĩa của thế gian mà tự ràng buộc. Ông tuy học rộng, như người nói thuốc, khi thuốc thật ở trước mặt thì không thể phân biệt. Như Lai nói thật đáng thương.

Ràng buộc tức là nghi ngờ, bí mật của Chư Phật không ai biết được, nên nói là thuốc.

Nay nghe các pháp đều là Như Lai tạng, gọi là thuốc thật ở trước mặt. Nêu phương tiện ngày xưa nghe chân thật ngày nay, nên gọi là không thể phân biệt.

Khuyên bảo lắng nghe.

Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói rộng chỉ bày cho ông. Cũng làm cho người tu hành Đại thừa ở đời tương lai thông đạt được thật tướng. A-nan im lặng nhận lãnh ý chỉ của Phật; Khuyên nghe, hứa nói tức là làm cho đời hiện tại và tương lai đều được lợi ích.

c) Chánh thuyết, có hai:

c.1) Lập lý bác bỏ chung:

A-nan! Như lời ông nói, bốn đại hòa hợp phát minh các thứ biến hóa thế gian. A-nan! Nếu thể của đại tánh kia không hòa hợp thì không thể hòa lẫn với các đại được. Giống như hư không chẳng thể hòa với các sắc. Nếu hòa hợp thì đồng với biến hóa, tướng đầu cuối thành.

Sinh diệt nối nhau, sinh tử tử sinh, sinh sinh tử tử, như bó đuốc xoay tròn không dứt. Nay A-nan! Như nước thành băng, băng lại thành nước.

Bốn câu đầu là nhắc lại chấp. Sáu câu sau lược bác bỏ không hòa hợp. Nếu tánh bốn đại tự thể không hòa thì không hòa với các đại, như

hư không và sắc, ngại vô ngại khác nhau.

Câu nếu hòa hợp v.v... trở xuống là bác bỏ hòa hợp, nếu tánh thể của Đại tự là hòa hợp thì thành sinh diệt. Đầu cuối tức là sinh diệt.

Câu sinh diệt nối nhau v.v... là giải thích tướng. Câu đầu giải thích tướng thành. Câu kế giải thích sự nối nhau nghĩa là sinh có thể thành tử v.v... tử có thể nối tiếp với sinh, nghĩa là đời hiện tại nối tiếp đời quá khứ.

Câu như bó đuốc xoay v.v... trở xuống là hai dụ. Câu đầu dụ cho sự nối nhau, câu kế dụ cho tướng thành. Như văn kinh chép.

Nêu tánh bác bỏ riêng, có bảy ý: c.2.1)

Tánh đất, có bốn:

- *Nêu việc để tiêu biểu.*

Nầy A-nan! Ông xem tánh đất, thô là mặt đất, tế là bụi cát, hạt bụi rất gần hư không, phân tích cực vi ấy là tướng bờ mé của sắc, do bảy phần hợp thành, lại phân tích gần với hư không.

Hạt bụi gần với hư không chẳng thể nào phân nhỏ nữa, là chỉ cho cực vi. Các tướng giáp ranh giới của sắc, vi trần có thể phân nhỏ. Nay kinh chỉ cho có thể phân nhỏ gọi là tướng ranh giới của sắc. Tùy kinh trích không cần hòa hợp.

- *Lập lý bác bỏ rộng.*

A-nan! Vì lân hư này phân tách thành hư không, nên biết hư không sinh ra sắc tướng. Y theo tiêu đề mà lập lý. Đã không thể phân tách sắc thành không, cũng có thể hợp không thành sắc. Mới gọi là thành nhau, nối nhau.

Nay ông hỏi rằng: Do hòa hợp cho nên sinh ra các tướng biến hóa, trong thế gian. Đây là nhắc lại khởi nghi, muốn bác bỏ nhắc lại ở trước.

Ông lại xét một lân hư trần này dùng bao nhiêu hư không hòa hợp mà thành, không phải lân hư hợp thành lân hư. Dưới đây là y theo lý để bác bỏ rộng.

Ở đây hợp hư không này thành sắc thì phi lý. Ông cho rằng phân tách sắc thành hư không, lẽ ra cho rằng hợp hư không thành sắc. Lân hư cực nhỏ dùng bao nhiêu hư không. Nếu hợp lân hư, tự thành mới phân, chẳng thành lân hư. (tám trăm sáu mươi tám). Lại lân hư trần phân tách nhập vào hư không thì dùng bao nhiêu sắc tướng để hợp thành hư không. Hợp sắc thành hư không là trái nghĩa. Hư không rất lớn, lân hư rất nhỏ, tách nhỏ thành lớn, thì dùng bao nhiêu bụi.

Nếu khi sắc hợp, hợp sắc chẳng phải hợp hư không, nếu khi hư

không hợp thì hợp hư không chẳng hợp sắc. Cả hai chẳng phải sắc, hư không thành lẫn nhau. Sắc hợp thành sắc, hư không hợp thành hư không, hợp theo từng loài, chẳng phải lẫn nhau.

Sắc còn phân tích được thì hư không làm sao hợp. Lại trách hợp hư không thì nghĩa mất. Phân tích sắc rõ hư không, giáo quán đều có. Hợp hư không thành sắc trong ngoài không có chỗ y cứ. Văn trước nói: giống như hư không chẳng hòa các sắc. Nếu nói hòa hợp, thành nhau nối nhau đều là luống dối.

- *Hội thông thật lý:*

Ông vốn không biết trong Như Lai tạng có tánh sắc chân không, tánh không chân sắc, thanh tịnh bốn nhiên, trùm khắp pháp giới, tùy tâm chúng sinh, ứng với lượng sở tri mà phát hiện theo nghiệp. Đây là nói về chân sắc, một câu đầu chỉ cho bốn mê, Ba câu trong Như Lai tạng v.v... là nói lên thể của pháp. Như Lai tạng tức là tâm Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế trong một pháp giới. Tánh sắc chân không chính là chân của tục, tánh không chân sắc là tục của chân.

Đều nói tánh: Là nói lên chân tục trong đó, đây là nêu một mà đủ cả ba, nói ba thể tức là một. Không phải ngang dọc, gọi riêng là Bí mật tạng. Đây là đại địa chân thật. Hai câu Thanh Tịnh bốn nhiên, v.v... là nói về đức lượng, vì không có tướng vọng, đủ pháp vô lậu nên gọi là thanh tịnh. Chẳng phải là hữu vi nên nói là bốn nhiên. Chẳng nơi nào không có cho nên nói trùm khắp. Đây là chủng tánh thể đức thể lượng đều đủ. Nếu biết pháp này thành ba quán nhiệm mầu mới biết một trần đủ tất cả Phật pháp, tất cả tâm pháp, tất cả pháp chúng sinh, đều ở trong một hạt bụi, tức thấy Lô-Xá-Na, tức thấy chính mình, tức thấy tất cả pháp, như một hạt bụi, tất cả pháp cũng vậy. Ở dưới đều y theo đây. Câu tùy chúng sinh v.v... trở xuống là nói về tùy duyên. Chúng sinh mười cõi, lậu khác với vô lậu, nghiệp cũng khác nhau nên cảm sắc pháp, tịnh uế đều khác v.v...

- *Kết trách mê tình:*

Người thế gian không biết, bị tánh nhân duyên và tánh tự nhiên mê hoặc, đều do thức tâm phân biệt so lường, đều không có thật nghĩa. Phàm phu, ngoại đạo, Tiểu thừa bảm thọ quyền giáo đều gọi là không hiểu biết (vô tri). Vì không hiểu rõ nghĩa thật nên gọi là hoặc, chấp thành danh tướng nên gọi là vi.

Câu đều là thức tâm v.v... trở xuống: Là phân tách chung về luống dối. Thức tâm luống dối, điên đảo theo đó mà sinh khởi, do mê chứa mê thì đâu thật có.

Tánh lửa: có bốn.

- *Nêu chung về vô tánh:*

Nầy A-nan! Tánh lửa vô ngã, nung vào các duyên, duyên sinh ra lửa vốn không có chủ thể, không có chủ thể tức là vô tánh, nhân duyên hòa hợp luống dối mà có.

- *Nêu sự bác bỏ rộng, có hai:*

+ Nêu sự để gạn hỏi:

Ông xem trong thành này những ngôi nhà chứa nấu cơm, khi muốn nấu nướng thì tay họ cầm cái kiếng (dương toại) đưa ra dưới ánh mặt trời để lấy lửa. Đây là nêu sự.

Dương toại: Là gương phát ra lửa.

Nầy A-nan! Gọi là hòa hợp, như ta và ông, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo nay thành một chúng, chúng tuy là một, nhưng khi hỏi về nguồn gốc thì mỗi vị đều có thân khác nhau, đều có nơi sinh ra khác nhau, dòng tộc, tên họ khác nhau. Như Xá-lợi-Phật là dòng bà-la-môn, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cũng thuộc dòng bà-la-môn. Cho đến A-nan là chủng tánh Cù-đàm. Đây là dẫn ví dụ, nêu chúng để nói hòa hợp, do riêng mà thành chung, chung chắc chắn có riêng. Cho nên dẫn ba vị để nói lên sự khác nhau.

Cù-đàm, Hán dịch là Địa Tối Thắng, cũng dịch là Nhật Chủng.

Ưu-lâu-tần-loa, Hán dịch là Mộc Qua lâm.

A-nan! Nếu tánh lửa này do hòa hợp mà có thì người tay cầm gương phát lửa kia ở trước mặt trời tìm lửa, lửa này từ trong gương sinh ra, hay từ cái môi lửa mà có, hay từ mặt trời đến: nhắc lại để gạn hỏi rất dễ biết.

+ Y theo lý mà bác bỏ:

Nầy A-nan! Nếu từ mặt trời đến thì sẽ đốt cháy cái môi lửa trong tay ông, rừng cây chỗ nào nó đến đều phải bị đốt. Đây là phá từ mặt trời sinh ra.

Từ mặt trời đến tay cách xa bốn muôn do-tuần, chỗ nào nó chiếu đến sao không bị nóng, mà chỉ đốt cái môi lửa trong tay ông?

Nếu từ gương sinh ra đốt cái nhúm lửa, thì sao không làm chảy gương, tay ông cầm gương còn không bị nóng, làm sao nói gương chảy. Đây là phá từ gương sinh ra.

Bốn câu trước chính là bác bỏ, Ba câu sau là bác bỏ theo chiều dọc, lửa có thể nấu vàng, gặp thì chảy tan. Ngoài có thể đốt cháy cái môi lửa, trong có thể nung chảy gương.

Nay ông không phải như vậy, lẽ ra chẳng phải gương sinh ra.

Nếu sinh ra từ bụi nhùi mỗi lửa thì đâu nhờ ánh sáng mặt trời, mới sinh ra lửa. Đây là bác bỏ từ cái mỗi lửa sinh. Nếu cái mỗi lửa sinh ra lửa thì khi gương và mặt trời không hợp, sao không có lửa sinh ra, mà phải đợi hợp mới có lửa sinh, điều này nói lên không phải từ cái mỗi lửa sinh ra.

Ông lại xem kỹ, gương do tay cầm, mặt trời từ trên trời đến, cái mỗi lửa vốn từ đất sinh, lửa từ nơi nào mà đến đây? Đây là tổng kết không từ đâu đến. Ba chỗ không sinh thì lửa từ đâu sinh, phải biết chắc chắn không thật có.

Mặt trời và gương cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ lửa không từ đâu mà tự có. Đây là bác bỏ hòa hợp không có nhân. Mặt trời và gương chẳng gần nhau nên không có nghĩa hòa hợp. Trong duyên đã không có, chẳng phải duyên có lửa thì không có lý này.

- *Hội thông thật lý:*

Ông vẫn không biết trong Như Lai Tạng tánh lửa là chân không, tánh không là chân lửa, thanh tịnh bốn nhiên, trùm khắp pháp giới: Đây là nói về chân lửa. Câu đầu chỉ cho bốn mê.

Ba câu trong Như Lai tạng v.v... là nói lên thể của pháp.

Hai câu thanh tịnh bốn nhiên v.v... là nói về lượng của đức, đều như trước đã giải thích.

Tùy theo tâm chúng sinh, ứng với lượng sở tri. A-nan nên biết người thế gian một chỗ cầm gương thì một chỗ lửa sinh, khắp pháp giới cầm gương thì khắp thế gian sinh, khởi lên khắp thế gian, đâu có nơi chốn, theo nghiệp phát hiện, là nói tùy duyên, cũng như trước đã giải thích.

- *Kết trách mê tình:*

Thế gian vô tri bị tánh tự nhiên và tánh nhân duyên mê hoặc, đều là tâm thức phân biệt so lường, chỉ có lời nói, đều không có nghĩa thật, như lời kinh rất dễ hiểu.

Tánh nước: Có bốn ý

- *Nêu chung vô tánh.*

Này A-nan! Tánh nước không nhất định, chảy dừng không thường. Vì duyên nước vô thường cho nên nói bất định, tùy vật chảy dừng là tướng không nhất định.

- *Nêu sự bác bỏ rộng, có hai ý:*

+ *Nêu sự để gạn lại:*

Như các nhà Đại ảo thuật ở trong thành Thất-la như: tiên Ca-tỳ-la, tiên Chiết-Ca-la, Bát Đầu-Mà-ha-tát-đa v.v... các vị này cầu Thái

âm tinh hòa với thuốc huyền. Họ chờ đêm nào trăng sáng tay cầm ngọc phương chử, hứng nước trong trăng. Nước này là từ trong hạt châu sinh ra, hay trong hư không tự có, hay từ mặt trăng xuống?

Ca-tỳ-la, Hán dịch là Hoàng Xích Sắc.

Chiết-ca-la, Hán dịch là Luân.

Bát-đầu-ma, Hán dịch là Xích Liên Hoa.

Ha-tát-đa thì chưa rõ.

Các vị này đều là ngoại đạo.

Thái âm tinh là mặt trăng.

Ngọc Phương chử sinh ra từ thủy châu.

Vào đêm trăng sáng đưa ngọc châu hướng về phía mặt trăng để lấy nước. Ba chỗ là mặt trăng, hạt châu, và hư không đã bác bỏ xong.

+ Y lý suy bác bỏ. (tám trăm sáu mươi chín)

Này A-nan! Nếu nước từ mặt trăng đến, từ nơi xa cho hạt châu ra nước, thì các rừng cây trái qua đều bị ngập hết, đâu đợi hạt ngọc Phương chử sinh ra. Vì không chảy nên rõ ràng nước không từ mặt trăng xuống. Đây là bác bỏ nước từ mặt trăng sinh ra. Năm câu trước là nhắc lại để bác bỏ, mặt trăng cách nhân gian cũng bằng mặt trời cách nhân gian cho nên nói ở nơi xa.

Chỗ ánh sáng mặt trăng chiếu đều hợp thành dòng, đâu cần hạt châu sinh ra.

Bốn câu chảy thì đâu đợi v.v... trở xuống là cả hai đều sai, chỗ nào chiếu soi đều chảy, đâu cần hạt châu sinh ra. Nếu không chảy thì thấy hiển rõ tánh nước này không từ mặt trăng đến.

Nếu từ hạt châu sinh ra thì trong hạt châu này thường phải chảy nước đâu đợi nửa đêm ở dưới trăng sáng. Đây là bác bỏ nước từ hạt châu sinh ra. Nếu hạt châu sinh ra nước thì thường có dòng chảy. Không đợi mặt trăng chiếu, đâu không có nước sinh.

Nếu từ hư không sinh, vì tánh của hư không vô biên, nước phải vô bờ, thì từ cõi người đến cõi trời đều bị nhận chìm, vì sao lại có đường bộ, đường hư không? Đây là bác bỏ hư không sinh ra nước. Nếu hư không sinh ra nước thì hư không đều có nước, vậy ai không bị nhận chìm. Vì hư không trùm khắp cho nên nước cũng trùm khắp. Người, trời, thủy lục lẽ ra không tồn tại. Thao là nhận chìm.

Ông lại nhìn kỹ, mặt trăng ở trên hư không, hạt ngọc do tay cầm, nung vào viên ngọc mà có nước, còn chiếc mâm vốn do người đặt, thì nước từ đâu chảy đến đây. Đây là tổng kết không từ nơi nào đến.

Trăng ở trên hư không, châu cầm trong tay, đây là do người đặt

để, nước từ đâu đến, trăng và hạt ngọc cách xa nhau không hòa hợp, không phải từ mặt trăng, không từ đâu tự có. Đây là phá hòa hợp không có nhân. Nói thủy tinh là chỗ mặt trăng lưu xuất. Trong duyên mới có, chẳng có duyên thì đâu có.

- *Hội thông thật lý:*

Ông vẫn chưa biết trong Như Lai tạng tánh thủy chân không, tánh không chân thủy, thanh tịnh bỗng nhiên trùm khắp pháp giới, tùy tâm chúng sinh, ứng theo lượng sở tri, một chỗ cầm viên ngọc, một chỗ nước chảy ra, khắp pháp giới đến thì cầm, nước sinh đầy pháp giới, sinh đầy thế gian đâu có nơi chốn, theo nghiệp phát hiện, giải thích tử mỹ giống như trước.

- *Kết trách mê tình:*

Người thế gian không hiểu biết bị tánh nhân duyên và tánh tự nhiên làm mê hoặc, đều là tâm thức phân biệt so lường, chỉ có lời nói, đều không có nghĩa thật.

Tánh gió, có bốn:

- Nêu chung vô tánh.

A-nan! Tánh gió không có tự thể, động tĩnh không thường, tánh gió không hình dáng, động tĩnh có tiêu biểu.

- Nêu sự để rộng phá, có hai ý:

+ Nêu sự để ạn lại:

Ông thường sửa y vào trong đại chúng, cái góc y Tăng-già-lê của ông phát qua người bên cạnh, thì có một chút gió phất vào mặt người đó. Vậy gió này từ góc y bay ra hay từ hư không bay đến, hay từ mặt người kia?

Tăng-già-lê là Đại y. Ca-sa, Hán dịch là hoại sắc, y động ở đây, gió phất đến người kia, hai chỗ và hư không cả ba đều bất sinh, phải biết là luống dối.

+ Y theo lý để bá bỏ:

Này A-nan! Nếu gió này từ góc ca-sa bay ra, thì ông mặc gió, cái y này dao động lẽ ra phải lìa thân ông. Nay ta ở trong hội xỏ cái y ra, ông xem y của Như Lai gió ở chỗ nào, không phải trong y có cất gió. Đây là phá y sinh ra gió.

Năm câu đầu là bác bỏ mặc y lìa thể. Tánh gió không yên tĩnh. Nếu gió sinh ra trong y thì lẽ ra phải thấy nó bay động, nay thì không phải như vậy. Sáu câu nay ta nói pháp trong hội v.v... Là nêu dụ để bác bỏ không có gió.

Nay Phật xỏ y không thấy gió bay lay động, nhưng ca-sa của ông

thì sao có gió sinh ra. Trong y chưa hẳn có chỗ cất gió làm cho y không động.

Nếu hư không sinh ra gió, thì y của ông không động đâu phải do không phát. Đây là bác bỏ hư không sinh ra gió, là nhắc lại để bác bỏ, nếu hư không sinh ra gió thì đâu cần nhờ ông động y mới có gió.

Tánh hư không là thường trụ thì gió phải thường sanh. Đây là xoay vần thừa hỏi. Hai câu nay sao không như vậy v.v... là gạn hỏi tùy theo hư không thường có. Tánh hư không không diệt, gió hợp thì thường có. Khi không động y thì đâu không có gió sinh ra.

Nếu khi không có gió thì hư không lẽ ra phải diệt. Đây là hỏi không có gió thì hư không sẽ diệt. Nếu hư không sinh ra gió, khi gió không khởi thì lẽ ra chẳng có hư không.

Nếu gió lặng thì có thể thấy được, còn hư không mất thì có tướng trạng gì. Đây là gạn hư không diệt không giải thích được. Khi vật không động thì lẽ ra phải biết gió lặng. Nếu khi hư không diệt thì lấy gì để biểu thị mà giải thích.

Nếu có sinh diệt thì không gọi là hư không. Đây là gạn sinh diệt chẳng phải hư không. Hư không là vô vi, là vô sinh diệt, nay có sinh diệt thì không gọi là vô vi. Gọi là hư không, thì làm sao sinh ra gió, lại kết luận hư không chẳng sinh ra gió. Tánh gió lay động, mà hư không vắng lặng, đâu thể vắng lặng mà sinh lay động.

Nếu gió tự sinh bị phát qua mặt, từ mặt kia sinh thì lẽ ra phải phát ông, tự ông sửa y vì sao lại phát. Đây là bác bỏ từ mặt sinh ra. Hai câu đầu là nhắc lại. Bốn câu từ mặt kia sinh ra là bác bỏ. Nếu mặt người bị phát sinh ra gió thì lẽ ra phải thuận thổi, đáng lẽ ông phải bị phát, ông tự sửa y không can hệ gì đến gió sinh ra, sao nói gió kia trở lại thổi mặt kia.

Ông xét cho kỹ, sửa y là ở ông, còn mặt thuộc về người khác, hư không vắng lặng không tham gia vào sự lưu động, gió từ nơi nào thổi đến đây, xét kỹ lại thì y, mặt, hư không có khác, thể của động tĩnh có khác, gió từ đâu thổi đến phát vào mặt người kia.

Tánh gió và hư không cách nhau, không hòa hợp, không phải gió thì tâm không từ đâu mà có.

Đây là bác bỏ hòa hợp không có nhân, vì động tĩnh khác nhau cho nên tánh cách nhau, tâm tức là tánh, Vì văn thay đổi nên như vậy.

- *Hội thông thật lý:*

Ông rõ ràng không biết trong Như Lai tạng tánh gió là chân không, tánh không là chân gió, thanh tịnh bốn nhiên, trùm khắp pháp giới, tùy

tâm chúng sinh, ứng theo lượng sở tri. Này A-nan! như ông động nhẹ cái y thì có gió nhẹ sinh ra, khắp pháp giới đều phát thì khắp pháp giới đều có gió, trùm khắp thế gian, đâu có nơi chốn, theo nghiệp mà phát hiện.

- *Kết trách mê tình.*

Người thế gian không biết bị tánh nhân duyên và tánh tự nhiên làm mê hoặc, đều là thức tâm phân biệt so lường, chỉ có lời nói, đều không có nghĩa thật.

Tánh không, có bốn ý:

- Nêu chung về vô tánh:

A-nan! Tánh hư không chẳng có hình tướng, do sắc mà hiển phát, hư không chẳng có thật. Chỗ lia sắc là hiển bày cái không này. Vì đối đãi cho nên vô tánh.

- Nêu sự bác bỏ rộng, có hai:

+ Nêu sự để gạn lại:

Như ở trong thành Thất-la, cách con sông rất xa. Các chủng tộc như Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, gồm cả phủ-la-đọa, toàn-đà-la, v.v... khi mới lập nên nhà cửa họ đào giếng lấy nước: Đây là nêu việc.

Sát-đế-lợi, Hán dịch là điền chủ.

Bà-la-môn, Hán dịch là Tịnh Chí.

Tỳ-xá, Hán dịch là Tọa Cổ.

Thủ-đà, Hán dịch là Nông giả.

Phủ-la-đọa, Hán dịch là lợi căn, cũng dịch là tiếp tậ.

Chiên-đà-la, Hán dịch Sát giả.

Đào đất ra một thước thì trong đó có một thước hư không, như thế cho đến đào đất ra một trượng thì trong đó được một trượng hư không. Hư không sâu cạn tùy theo đào bao nhiêu đất. Hư không này là do đất sinh ra, do đào mà có, hay không có nhân mà tự sinh? Đây là nêu lên để gạn lại, tùy theo đào đất nhiều ít, thì thấy hư không sâu cạn bấy nhiêu (tám trăm bảy mươi) hư không và sắc cả hai đều là giả, cùng nhau nhờ nhân mà có, thế không lia sắc, nay ở đây bác bỏ làm cho biết lưỡng đối.

+ Y theo lý để bác bỏ.

Này A-nan! Nếu hư không này chẳng có nhân mà sinh thì khi chưa đào đất sao chẳng thấy vô ngại, chỉ thấy đất cứng, lại không thông đạt. Đây là bác bỏ không có nhân sinh ra. Nếu hư không có nhân thì khi chưa đào sao lại không có, khi đào rồi sao lại có, không có nhân thì

không thành.

Nếu do đào đất thì khi đất ra đáng lẽ phải thấy hư không chạy vào, nếu đất ra trước, không có hư không vào thì tại sao nói hư không do đất mà ra.

Đây là bác bỏ do đất sinh ra, chính là bác bỏ.

Ba câu trước là nhắc lại để bác bỏ. Nếu đất sinh ra hư không thì khi đào giếng, đáng lẽ phải thấy hư không vào trong giếng.

Bốn câu nếu đất v.v... trở xuống là kết luận chẳng đúng, nếu thấy đất ra mà chẳng thấy hư không vào thì làm sao nói hư không từ đất mà có cho được?

Nếu không ra vào thì lẽ ra hư không và đất vốn chẳng khác nhau, chẳng khác thì đồng, cho nên khi đất ra hư không sao không ra. Đây là chuyển bác bỏ. Nếu không thấy hư không ra, đất vào trong giếng thì nhân đất và quả hư không cả hai không khác. Đất tức là hư không, hư không tức là đất, khi đất ra giếng sao không thấy hư không từ giếng ra?

Nếu do đào mà ra thì đào ra hư không, đáng lẽ không ra đất. Không do đào mà ra, đào tự ra đất vì sao lại thấy hư không?

Ba câu trước chính là bác bỏ đào ra. Nếu đào ra hư không thì đào tự ra hư không tại sao thấy đất từ giếng mà ra? Ba câu không do đào mà ra v.v... là lại bác bỏ không có nhân.

Đất do đào mà ra, hư không do đâu mà có? Ông lại xét cho tường tận, đào là từ tay người, tùy phương vận chuyển. Đất do đất mà dời, như thế hư không do đâu mà sinh ra, lại xét kỹ hai chỗ.

Đất từ trong đất đào mà dời ra. Cho nên nói đất dời, đào hư không dụng thật không có tướng, không hòa không hợp, chẳng lẽ hư không chẳng từ đâu tự ra. Đây là bác bỏ hòa hợp, lại kết luận không có nhân. Đào và hư không là hai thể, hai nghĩa hư thật đâu có phù hợp nhau mà gọi là hòa hợp? Ngoài ra lời kinh rất dễ hiểu.

- *Hội thông nghĩa thật*: Có bốn.

+ Nếu tánh hư không này tròn đầy trùm khắp, vốn không lay động phải biết hiện tiền đất, nước, gió, lửa đều gọi là năm đại, tánh nó tròn khắp, đều là Như Lai tạng vốn không sinh diệt.

Ba câu đầu nói về nghĩa Đại của hư không. Nếu hư không từ nhân duyên mà sinh thì thể nó không trùm khắp, lại là lay động thì đâu gọi là Đại?

Hễ nói là Đại thì nghĩa là thường khắp. Vì thường nên không sinh diệt xao động. Vì khắp nên bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu đều có. Nếu

nhân duyên sinh thì đây có kia không, hiện tại có, vị lai không. Duyên hội thì sinh, duyên lìa thì diệt. Ở đây thì không như vậy, bốn Như Lai tạng vốn tự trùm khắp, vốn không lay động, nên gọi là Đại.

Sáu câu phải biết v.v... trở xuống là bốn tánh trước đều được xếp vào Đại, đều gọi là Đại, vì đều trùm khắp, vì không lay động, vì là công đức chân thật. Trong tánh tạng này vì đại dụng vô phương, khắp tất cả chỗ làm lợi ích đều đồng với phương tiện hữu danh vô thật mà gọi là Đại.

+ Phân tách khuyên nghiên cứu rõ ràng:

A-nan! Tâm ông hôn mê, không ngộ bốn đại vốn là Như Lai tạng, phải xem hư không là ra, hay vào, hay không ra vào. Vì không có trí viên thật nên gọi là hôn, vì không hiểu rõ thường khắp nên gọi là mê. Nếu tánh hư không có ra vào, thì thể nó không thường, cũng không có nghĩa là khắp, đâu gọi là Đại. Cho nên khuyên xét tường tận.

+ Chánh hội lý nay:

Ông hoàn toàn không biết trong Như Lai tạng tánh giác chân không, tánh không chân giác, thanh tịnh bốn nhiên trùm khắp pháp giới, tùy tâm chúng sinh, ứng theo lượng sở tri. Nay A-nan! Như một cái giếng hư không, hư không sinh ra một cái giếng, mười phương hư không cũng giống như thế, tròn khắp mười phương, đâu có nơi chốn, theo nghiệp mà phát hiện, ví dụ như trước rất dễ hiểu.

+ Kết trách mê tình:

Người thế gian không biết bị tánh nhân duyên và tánh tự nhiên làm mê hoặc, đều là do tâm thức phân biệt so lường, chỉ có lời nói, đều không có nghĩa thật.

Về tánh của sáu căn, Tiểu thừa thường nêu bốn đại. Đại giáo mới có danh từ Không. Căn và thức đồng gọi là Đại, không thấy kinh trích dẫn.

Các giáo Viên thật, các pháp Viên quán, ba thứ căn, cảnh, thức trùm khắp bất động. Tuy có nghĩa này mà không đạt ra danh từ ấy. Nay ở đây đặc biệt nêu ra chính là khuôn phép rốt ráo sau cùng, vẫn có bốn.

Nêu chung vô tánh:

Này A-nan! Thấy biết vô tri, do sắc không mà có.

3. Nếu việc bác bỏ rộng, có hai:

a) Nêu vậy để gạn hỏi:

Như nay ông ở trong rừng Kỳ-đà, sáng sớm chiều tối, vào ngày rằm trăng sáng, mừng một trời tối, thì sáng tối v.v... do thấy mà phân

tách. Cái thấy này cùng với tướng sáng tối và bầu hư không là đồng một thể, hay không đồng một thể, hoặc đồng hoặc chẳng đồng. Hoặc khác, chẳng phải khác. Đây là y theo bốn câu để bác bỏ. Nghĩa là một, là khác, vừa một vừa khác và chẳng phải một, chẳng phải khác.

b) Y theo lý để bác bỏ:

Nầy A-nan! Cái thấy này nếu vốn là một thể với sáng tối và hư không thì hai thể sáng tối đều mất. Khi tối thì không sáng, khi sáng thì không tối. Nếu là một với tối thì khi sáng cái thấy sẽ mất, nếu là một đối với sáng thì khi tối sẽ mất, mất thì sao lại nói thấy sáng thấy tối.

Nếu thấy sáng và tối khác, cái thấy không sinh diệt, một làm sao thành, đây là phá một.

Bốn câu đầu là nhắc lại chấp: Bốn câu thì sáng v.v... trở xuống là lập lý.

Sáu câu nếu cùng với v.v... trở xuống là bác bỏ.

Cái thấy là một với cảnh, cảnh diệt thì cái thấy mất, làm sao phân biệt sáng và tối.

Ba câu nếu sáng v.v... trở xuống là kết luận rằng sai.

Sáng tối khác nhau, cái thấy không mất theo, nên biết cái thấy này chẳng phải một với cảnh.

Nếu cái thấy này và sáng và tối không phải một thể, thì ông lìa sáng tối và hư không, phân tích xem nguồn gốc cái thấy hình tướng ra sao? Lìa tối lìa sáng và lìa hư không cái thấy này vốn đồng với lông rùa, sừng thỏ.

Ba việc sáng, tối và hư không đều khác, thì từ đâu mà lập cái thấy. Đây là bác bỏ khác.

Ba câu đầu là nhắc lại chấp, bốn câu ông lìa sáng tối v.v... trở xuống là đâu có lìa cảnh tướng nào. Bốn câu lìa sáng tối v.v... trở xuống là lìa hư không, là kết thành rốt ráo vô thể. Ở trên đều chính là bác bỏ. Ba câu sáng tối và hư không v.v... trở xuống là kết phá rất dễ biết.

Sáng tối trái nhau, sao nói là đồng, lìa ba việc vốn không, sao nói là khác.

Phá cả hai cũng vậy. Đồng tức là một. Vì sáng tối diệt lẫn nhau nên nói trái nhau. Nếu với một đồng thấy tức là mất theo, như trước đã bác bỏ, sáng tối hư không lìa cái không thấy này cũng khác không thể.

Phân hư không, phân cái thấy, vốn không có bờ mé. Vì sao nói chẳng đồng, thấy tối, thấy sáng, tánh không đổi dời, vì sao nói chẳng khác. Đây là phá cả hai đều sai. Phá cả hai đều sai, thấy không chẳng thể nói, cho nên chẳng phải không phải một, sáng tối tự đổi dời, cái

thấy không có sanh diệt, nên chẳng phải không khác.

Ông lại xét cho rõ ràng, sáng thì từ mặt trời, tối thì theo tháng trời tối, đều thuộc về hư không. Che lấp trả về mặt đất, cái thấy như thế do đâu mà sinh ra. Lại xét kỹ, khuyên xét cho tường tận.

Trong bốn cảnh từ đâu mà có cái thấy.

Thấy biết không ngờ chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ cái thấy không từ đâu mà tự sinh ra. Đây là bác bỏ hòa hợp không có nhân. Hội thông thật nghĩa, có ba ý.

Xếp loại thông nghĩa ở trước.

(Tám trăm bảy mươi mốt) Nếu tánh thấy nghe biết trùm khắp, vốn không lay động, phải biết hư không vô biên, không động, lại sự lay động là đất, nước, lửa, gió đều gọi là sáu đại, tánh chân viên dung, đều là Như Lai tạng vốn vô sinh diệt. Thấy nghe hay biết cũng gọi là Đại. Vì nó bao trùm thường khắp. Như văn trước có giải thích.

4. Phân tích khuyên nghiên cứu rõ ràng:

Này A-nan! Tánh ông bị đắm chìm, không ngộ được cái thấy, nghe hay biết của mình vốn là Như Lai Tạng. Ông phải xét xem cái thấy nghe hay biết này là sinh hay là diệt, là đồng hay khác, là phi sinh diệt, hay phi đồng dị. Sinh diệt là đồng, phi sinh diệt là khác, là đồng là khác cả hai cũng vậy. Thấy nghe đã chân thật, bốn câu. Không thật có, bất động trùm khắp là Đại.

5. Chánh hội lý nay:

Ông không hề biết trong Như Lai tạng có cái thấy biết, minh giác thanh tịnh bản nhiên trùm khắp pháp giới, tùy theo tâm của chúng sinh mà ứng theo lượng sở tri, cái thấy như một, cứ thấy trùm khắp pháp giới. Nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, thấy biết là đức mẫu sáng rực, trùm khắp pháp giới, tròn đầy khắp hư không mười phương, đâu có nơi chốn, theo nghiệp mà phát hiện.

Chữ từng nghĩa là thì.

Nghe ngửi nếm xúc chạm: Mũi, lưỡi và cảnh hợp với thỉ giác, nên gọi là nếm xúc chạm.

Giác xúc là thân, giác tri là ý.

6. Kết trách mê tình:

Người thế gian không biết mình bị tánh nhân duyên và tánh tự nhiên làm mê hoặc, đều do thức tâm phân biệt so lường, chỉ có lời nói, đều không có nghĩa thật.

7. Tánh thức, có bốn:

a) Nêu chung vô tánh:

Nầy A-nan! Tánh của thức không có nguồn gốc, do sáu thứ căn trần sinh ra.

b) Nêu sự bác bỏ rộng, có hai ý:

b.1) Nêu sự để gạn lại:

Nay ông xét xem khắp các Thánh Chúng trong hội này, dùng mắt xoay vần, mắt ấy nhìn khắp chỉ giống như trong gương, không phân biệt được. Trong thức của ông, thứ lớp nêu bày. Đây là Văn-thù, Phú-lâu-na, Mục-kiền-liên, Tu-Bồ-đề, Xá-lợi-phất. Thức biết rõ này sinh ra cái thấy hay sinh ra tướng, hay sinh ra hư không, hay không có nhân bỗng nhiên sinh ra, căn có công năng soi chiếu cảnh như gương có công năng soi chiếu vật.

Thức có công năng rõ biết cảnh, phân biệt mình người. Thức phân biệt này từ đâu sinh ra?

b.2) Y theo lý để bác bỏ:

Nầy A-nan! Nếu thức tánh của ông sinh ra trong cái thấy, như không có sáng tối và sắc không. Bốn thứ không có thì vốn không có cái thấy của ông, tánh thấy còn không có thì từ đâu mà sinh ra thức? Đây là bác bỏ từ căn sinh ra, có tướng thì thấy có tướng, không tướng thì thấy không, tướng căn còn vô hình thì thức từ đâu sinh.

Nếu thức tánh của ông sinh ra từ tướng mà không từ cái thấy sinh ra. Đã không thấy sáng, cũng không thấy tối, sáng tối không nhìn thì chẳng có sắc không. Tướng kia còn không thì thức từ đâu sinh. Đây là bác bỏ cảnh giới. Tướng và cái thấy đối đãi nhau, không thấy thì chẳng có tướng, tướng còn không lập được, thì từ đâu mà có thức?

Nếu sinh từ hư không thì không có tướng, không có thấy, không thấy thì không bàn luận được, tự không thể biết sáng tối, sắc không, chẳng có tướng diệt duyên, thì thấy, nghe hay biết, không có chỗ an lập. Đây là bác bỏ hư không sinh ra, hai câu đầu là xét định không do căn cảnh.

Câu không thấy v.v... trở xuống chính là bác bỏ, ba câu trước chẳng thấy không giải thích là bác bỏ bốn cảnh. Ba câu không có tướng diệt duyên v.v... trở xuống là bác bỏ phi tướng, không lập năm căn. Tướng tức là duyên, bốn cảnh đã là không, tức là cảnh diệt của sở duyên. Sở duyên đã không thì năm căn làm sao có. Trên đây đều là nhắc lại để bác bỏ không nương vào căn cảnh.

Hai cái phi ở đây, không thì đồng với vô, có thì đồng với vật. Dù phát sinh ra thức của ông, làm sao phân biệt? Đây chính là bác bỏ thức từ hư không sinh.

Phi tướng, phi kiến cho nên nói cả hai đều sai, tức là chỉ cho cái không.

Đồng với cái không nghĩa là như lông rùa sừng thỏ, không bao giờ có. Nếu nói cái không ấy là có tự thể, thì đâu đồng với vật tượng có hình tướng? Lại hư không này mê mờ không giải thích được, hư không chẳng giải thích được, nếu có chỗ sinh thì lẽ ra cũng không phân biệt được, cho nên nói làm sao phân biệt.

Nếu không có chỗ sinh, đột nhiên sinh ra thì sao giữa ban ngày không phân biệt được mặt trăng sáng.

Đây là bác bỏ không có nhân, giữa ban ngày không có trăng. Đã không có thức thấy trăng thì lẽ ra phải biết là chẳng phải không có nhân mà có.

Ông lại suy xét kỹ càng, cái thấy gá vào mắt ông đây là bác bỏ tiền cảnh. Có hình dáng thì thành có, không có tướng thì thành không. Như thế thức và duyên nhân vào đâu mà sinh ra. Thức động, thấy cái trong lặng, không hòa không hợp, lại xét chỗ sinh.

Tình (mắt) là phù trần, cảnh là sáng tối, thành có, thành không tức là hư không.

Hai câu thức động trở xuống v.v... là kết luận chẳng hòa hợp, động là năng liễu biệt.

Trong lặng nghĩa là chỉ soi chiếu cảnh. Nghe biết cũng như thế, không ứng với thức duyên, không từ tự sinh.

Hai câu trước so sánh để bác bỏ phá thức khác, nghe tức là tai và mũi, hay biết là lưỡi, thân, ý thức.

Hai câu không nêu v.v... trở xuống là kết luận không có chỗ sinh. Thức khởi là lý do cho nên nói thức duyên.

Hội thông nghĩa thật, có ba ý:

1) Loại thông với nghĩa trước.

Nếu tâm thức này vốn không từ đâu có, nên biết tánh rõ biết thấy nghe hay biết tròn đầy vắng lặng, không từ đâu có. Đây là gồm hư không, đất, nước, lửa, gió gọi là bầy đại. Tánh chân viên dung, đều là Như Lai tạng, vốn không sinh diệt.

Hai câu đầu là năng loại, câu nên biết v.v... trở xuống là sở loại.

Rõ biết nghĩa là thức. Thấy nghe nghĩa là căn, là gốc sinh ra thức, cho nên nói rõ biết thấy nghe v.v...

2) Phân tích khuyên nghiên cứu rõ ràng.

Này A-nan! Tâm ông thô phù, không ngộ được thấy nghe, phát minh rõ biết vốn là Như Lai tạng. Ông phải quán sáu chỗ thức tâm này

là đồng hay khác, là không hay có, hay là phi đồng khác, hay là phi không hữu.

Đây là đồng dị như đã bác bỏ trong căn.

Không là từ hư không sinh ra, hữu là căn cảnh. Phi không hữu là vô nhân.

3) *Chánh hội lý nay:*

Ông vốn không biết trong Như Lai tạng có tánh thức minh tri giác minh, chân thức, diệu giác vắng lặng, trùm khắp pháp giới, chứa đựng mười phương hư không, đâu có nơi chốn, theo nghiệp mà phát hiện.

4) *Kết luận trách mê tình:*

Người thế gian không biết bị tánh nhân duyên và tánh tự nhiên làm mê hoặc, đều do thức tâm phân biệt so lường, chỉ có lời nói, không có nghĩa thật.

Nương vào lời chỉ bày ở trước mà được ngộ, có hai ý:

Kể lại đại chúng lãnh ngộ, có hai ý:

Lược kể dứt nghi.

Bấy giờ, A-nan và các đại chúng nhờ lời chỉ bày mẫu nhiệm của Như Lai, thân tâm an vui được vô quái ngại, ba khoa bảy đại tức tướng tức tánh, từ xưa bất sinh, nay thì vô diệt. Sinh diệt đến đi đều là Như Lai tạng tròn khắp bất động, thanh tịnh bản nhiên. Đây là Như Lai nói về tánh chân thẳng nghĩa trong thẳng nghĩa, cho nên nói lời chỉ bày mẫu nhiệm. Thân tâm tròn sáng nên nói an vui, lại không có các pháp bị ngăn ngại, nên nói là vô quái ngại.

Nói rộng về được lợi ích, có bốn:

Tâm ngộ lợi ích rộng lớn.

Các đại chúng này, mỗi vị đều tự biết tâm trùm khắp mười phương, thấy hư không mười phương (tám trăm bảy mươi hai) giống như nhìn chiếc lá trong lòng bàn tay. Hoàn toàn chấp tâm ở trong thân, cho là chân tánh của mình, nay biết chẳng ở trong tâm. Như vật nhỏ cầm trong tay. Văn dưới cũng nói: Hư không sinh trong đại giác, như một hòn bọt giữa biển khơi.

Rõ vật đều là lợi ích chân thật.

Tất cả các vật trong thế gian này đều là nguyên tâm Bồ-đề diệu minh, tâm tinh tròn khắp, bao trùm mười phương, hoàn toàn chấp ngoài tâm có pháp. Nay ngộ pháp do tâm tạo, lừa tướng thật thì không có pháp để đắc. Cho nên các vật trong thế gian đều là Bồ-đề.

Bồ-đề, Hán dịch là Giác. Nếu chấp vô tình không có Phật tánh xin xem văn này. Dù tin vô tình có Phật tánh, nhưng nói không có đủ các

pháp, bèn làm cho Phật tánh chia thành hai.

Cụ pháp Phật tánh: Nghĩa là tánh hữu tình.

Bất cụ pháp Phật tánh: Nghĩa là tánh vô tình.

Việc phân chia này đâu khác thuyết khác, nói rằng cỏ cây vô tình không có Phật tánh. Nay lập lượng chỉ bày rằng:

Tông: Tất cả cỏ cây vốn là hữu pháp vì chắc chắn có các pháp.

Nhân: Nói vì có Phật tánh.

Đồng dụ: Như hữu tình.

Chánh Giáo Lượng nói: Đất, nước, gió, lửa đều gọi là bả đại, tánh viên dung chân thật đều là Như Lai tạng. Diệu giác vắng lặng, cùng khắp pháp giới, bao trùm khắp mười phương, đâu có nơi chốn. Y theo những lời nói kia sẽ rõ được điều này.

Xét lại di thân được lợi ích:

Xét lại thân này do cha mẹ sinh ra, giống như trong mười phương hư không thổi một hạt bụi, hoặc còn hoặc mất, như giữa biển lớn nổi một hòn bọt sinh diệt không từ đâu. Hư không ở trong tâm ta, giống như một vật nhỏ trong lòng bàn tay. Lại xét chất nhỏ nhiệm sinh ra, đối với tâm lớn nhỏ ra sao, cho nên nêu một hạt bụi trong hư không, còn mất đâu nói được, dụ cho rất nhỏ. Câu như giữa biển lớn nổi một hòn bọt là dụ cho thân này vô sinh. Trước dụ vẫn còn tướng nhỏ. Nay dụ tướng vốn vô sinh. Hai dụ này đều nói lên một ý.

Khéo được lợi ích nguyên tâm:

Rõ ràng tự biết được bốn tâm mâu nhiệm, thường trụ bất diệt. Liễu là hiểu rõ, giống như rõ ràng.

Nhiên là ngữ từ. Vì hiểu rõ tâm cho nên nói tự biết, hoạch là được. Mê vọng là mất, liễu ngộ là đắc. Đã nói thường trụ bất diệt cho nên không phải đích thân được, chỉ là hiển hiện.

A-nan nói kệ khen ngợi thuật lại, có hai:

1) *Nêu lên:*

Lễ Phật chấp tay, được điều chưa từng có, ở trước Như Lai nói kệ khen Phật.

Được lợi ích bởi nương vào lời chỉ dạy cho nên đánh lễ, lại khen ngợi thuật lại sự lợi ích của phát tâm.

2) *Chánh thuyết, có bốn:*

a) Khen ngợi Phật pháp ít có, có hai ý:

a.1) Chánh khen ngợi.

Đấng vắng lặng Tổng trì bất động.

Thủ-lăng-nghiêm vua ít có ở đời.

Câu đầu là khen ngợi Phật. Phật có ba thân là pháp thân, báo thân và ứng thân, nay đều khen ngợi.

Vắng lặng là pháp thân. Pháp thân vô tướng vắng lặng thường tịch. Vì vô tác vô vi, ở khắp tất cả mọi nơi bất sinh bất diệt.

Tổng trì: Là báo thân. Nghĩa là hiển phát trải qua vô lượng kiếp tu hành các độ, nhiếp chung tất cả công đức vô lậu, tận đời vị lai giữ gìn không mất, không có hoại diệt, là trả lời nhân kia.

Bất Động tôn: Là ứng thân, nghĩa là tùy cơ cảm, chán cầu hơn thua, là dụng tướng chân như từ trong tâm chúng sinh hiện ra. Gọi là ứng.

Thể của Phật là bất động, không có tác ý. Như trăng không xuống, trăm dòng nước không lên.

Căn lực từ thiện pháp nhĩ như vậy, cũng như gương bóng tùy hình mà hiện, gương vẫn bất động. Cho nên lấy bất động làm ứng thân. Lại chữ Diệu và chữ Tôn thông trên lẫn dưới. Nghĩa là ba thân một thể, không ba mà ba.

Thế, tướng, dụng pháp đầy đủ tất cả nghĩa, cho nên gọi là Diệu, là rất tốt ráo, cực chúng sở hiển nên gọi là Tôn. Câu dưới khen ngợi pháp, tức là hành pháp, hễ hiển hiện thì chỉ có Tam-muội này. Tối tôn tối thắng tự tại đối với pháp, nên gọi là Vương (vua).

Câu trên bày quả, câu dưới là hạnh. Lý quả hạnh là nghĩa sở thuyên, phải nhờ vào năng thuyên và sở thuyên mới hiển bày. Cho nên bốn pháp đều khen ngợi đầy đủ.

a.2) Thuật lại điều lợi ích:

Giúp con tiêu sạch vọng tưởng điên đảo ức kiếp.

Làm cho con chứng được pháp thân không trải qua A-tăng-kỳ kiếp.

Câu đầu là đoạn chứng, tức là thân tâm an vui được vô quái ngại.

Kinh ở dưới chép: Từ vô thủy đến nay điên đảo, chìm đắm. Nay nói ức: Là nêu con số lớn. Vọng nhận bóng bốn đại sáu trần duyên làm tướng của thân tâm, quên mình cho là vật, thấy lớn xem nhỏ đều là điên đảo, vọng động loạn tưởng. Nay nghe chỉ bày, vì không chấp không nhận nên gọi là Tiêu.

Câu dưới là ngộ đạo, tức là được bốn tâm mẫu nhiệm thường trụ bất diệt.

A-tăng-kỳ, Hán dịch là Vô số.

Kiếp-ba, Hán dịch là Thời Phần. Phương tiện dạy nói tất cả Chư

Phật tu Ba-la-mật trong vô số kiếp, sau mới thành Phật. Nay ở trong hội này nói bồng ngộ là được bốn tâm mẫu nhiệm thường trụ bất diệt. Đâu có trải qua tăng-kỳ ư? Cho nên văn dưới nói: Dứt tức là Bồ-đề. Không từ nơi người mà được, đâu nhờ vào sự nhọc nhằn tu chứng. Lại nói: Trong khoảng búng ngón tay vượt lên bậc Vô học.

Lại Kinh Viên Giác nói: Biết huyễn liên lìa, không thực hành phương tiện. Lìa huyễn tức giác, cũng không tiếm thứ ,đều là nghĩa này. Nhưng theo văn này, lại trình bày về giải ngộ. Như văn nói mỗi người đều tự biết tâm trùm khắp mười phương.

Biết tức là hiểu.

Trình bày tui luận giải chẳng thể không chứng ngộ.

Vì tùy theo người nhập vào địa vị sâu cạn khác nhau.

Lại như Bồ-tát bảm quyền của hai giáo hai thừa, Viên giáo do căn tánh chưa phát lòng tin, ngộ cảnh giới này tức là giải ngộ. Nếu từng nhập vào hành vị Tín giải nghe pháp khai ngộ, tức là chứng ngộ.

Lại có người nhập vào địa trụ, tức tăng đạo mà tổn đời, cho đến Diệu giác, phá hoặc chứng lý, phát diệu dụng chân thật, đều tùy theo địa vị sâu cạn mà nói về rộng hẹp. Đây là chúng trong một hội đều được lợi ích mẫu nhiệm.

Nguyện đắc quả độ sinh, có bốn ý: c.4.1)

Trình bày sở nguyện, có hai:

- *Trình bày nguyện:*

Nguyện nay đắc quả, thành Bảo vương.

Trở lại độ hằng sa chúng như thế.

Câu đầu là nói về trí. Tức là Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Tức ngay thân đời này mong được chứng, cho nên nói nguyện này.

Câu kế là nói về tâm bi, tức là chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

Dưới nói dứt mê hoặc, tức là phiền não vô tận thế nguyện dứt. Bi và trí tức là tâm Bồ-đề, chính là thể của đạo. Lại dùng thế chung mà giữ nó.

Tức ba pháp đủ khắp, bốn nguyện đầy đủ, phát tâm Bồ-đề đều ở ngay đây.

Theo sơ kinh Viên Giác: Nhân địa Đốn giác gồm có ba lớp.

1. Liễu ngộ giác tánh, tức là trước được bốn tâm mẫu nhiệm, được pháp thân.

2. Phát tâm Bồ-đề tức nay là hai nguyện bi và trí.

Sau là tu hạnh Bồ-tát, tức về sau hồi phương tiện tu hành. Nghĩa

là không liễu rõ tự tâm làm sao biết chánh đạo. Cho nên nói nhiều kiếp tu hành không phải là Bồ-tát chân thật.

Kế là nếu không phát đại tâm thì không do đâu mà khởi hạnh. Cho nên Thiện Tài trước nói đã phát tâm, sau mới hỏi về tu hành. Tu chứng viên đốn không gì hơn đây.

- *Thuật lại ý:*

Đem thâm tâm này thờ phụng chúng sinh nhiều như bụi, để báo đền ơn đức của Thế tôn.

Câu trên đồng với hóa Phật. Trên cầu quả Phật dưới hóa độ chúng sinh, đủ hai tâm bi và trí, nhất nhất trước ngộ diệu giác minh tánh. Từ lý sâu xa sinh ra gọi là thâm tâm. Dùng hai tâm này, thuận theo Chư Phật hóa hạnh trong các cõi nhiều như cát bụi, không hai không khác. Cho nên gọi là phụng.

Câu dưới là kết luận báo ơn. (tám trăm bảy mươi ba) Đại Luận nói: Dù cho thọ trì trải qua nhiều số kiếp, thân làm giường ghế khắp tam thiên, nếu không truyền pháp độ chúng sinh thì hoàn toàn không thể báo ân Phật được.

Lại thỉnh chứng minh:

Lại thỉnh Thế tôn chứng minh cho con. Đời năm trước ác con thế vào trước. Nếu có một chúng sinh chưa thành Phật thì con sẽ không ngay đây mà nhập Niết-bàn: Con nguyện thành đạo vốn là độ sinh, tâm độ sinh không phải tạm thời, mà chúng sinh tận đời vị lai hết con mới mới nhập Niết-bàn. Nguyện này rất sâu nặng cho nên thỉnh Phật chứng minh.

Xin dứt mê hoặc, mau thành tựu.

Đại hùng, đại lực đại từ bi

Mong được gọi sạch hoặc sâu kín.

Cho con sớm lên Vô Thượng giác

Ngồi đạo tràng thế giới mười phương.

Câu đầu là khen ngợi đức. Uy đức mạnh mẽ như sư tử đầu đàn nên gọi là Hùng, mười nghĩa đầy đủ không thể khuất phục, nên gọi là Lực.

Từ bi là cứu khổ ban vui, không có duyên cũng cứu hết, đều nói Đại là nói lên vô thượng. Câu kế xin dứt trừ mê hoặc, tự nhờ tu mê hoặc sở tri của Đại thừa đều gọi là nhỏ nhiệm. Hai câu dưới xin mau được thành tựu.

Văn trước đã nguyện đắc quả. Nay lại nói, vì độ sinh nên tâm mới tha thiết nguyện sớm đắc. Câu trên là chân thân, câu dưới đều phải chứng thành. Đạo tràng hiện tám tướng. Trước nói chưa thành tựu đạo

quả thì chưa nhập Niết-bàn là nói theo chiều dọc của thời gian. Nay nói thế giới mười phương là nói theo chiều ngang của nơi chốn, tức giải thích thành trên cầu quả vị, dưới hóa độ chúng sinh.

d) Cho đạo tâm không lay động.

Tánh hư không có thể tiêu mất mà tâm con vững chắc không động chuyển. Thuận-nhã-đa, Hán dịch là Không. Tánh của hư không chẳng thể nào tiêu diệt, nay còn có thể diệt. Trên cầu quả vị, dưới hóa độ chúng sinh, tâm Bồ-tát không thể nào dời đổi. Cho nên nói không động chuyển.

Thước-Ca-ra, dịch là bền chắc không hư hoại.

Lại dịch là bánh xe, bánh xe có công năng nghiền nát. Nghĩa là tâm bi trí tự lợi lợi tha, đều có công năng nghiền nát hoặc, nghiệp, khổ.

